

THÔNG KÊ CHẤT LƯỢNG HỌC SINH HỌC KỲ II NĂM HỌC 2025-2026
TRƯỜNG TIỂU HỌC HOÀNG NAM

1. Chất lượng giáo dục

	Tổng số học sinh	Lớp 1			Lớp 2			Lớp 3			Lớp 4			Lớp 5		
		Tổng số	Trong tổng số		Tổng số	Trong tổng số		Tổng số	Trong tổng số		Tổng số	Trong tổng số		Tổng số	Trong tổng số	
			Nữ	Khuyết tật		Nữ	Khuyết tật		Nữ	Khuyết tật		Nữ	Khuyết tật		Nữ	Khuyết tật
I. Kết quả học tập																
1. Tiếng Việt	668	159	71	0	114	45	1	128	71	0	131	76	1	136	71	1
Hoàn thành tốt	493	125	60	0	87	33	0	95	58	0	94	60	0	92	59	0
Hoàn thành	163	29	11	0	23	11	0	32	13	0	36	15	0	43	12	0
Chưa hoàn thành	12	5	0	0	4	1	1	1	0	0	1	1	1	1	0	1
2. Toán	668	159	71	0	114	45	1	128	71	0	131	76	1	136	71	1
Hoàn thành tốt	452	116	56	0	86	33	0	78	44	0	72	46	0	100	55	0
Hoàn thành	204	41	15	0	24	11	0	47	25	0	57	29	0	35	16	0
Chưa hoàn thành	12	2	0	0	4	1	1	3	2	0	2	1	1	1	0	1
3. Khoa học	267	0	0	0	0	0	0	0	0	0	131	76	1	136	71	1
Hoàn thành tốt	215										102	62	0	113	66	0
Hoàn thành	50										28	13	0	22	5	0
Chưa hoàn thành	2										1	1	1	1	0	1
4. Lịch sử và Địa lí	267	0	0	0	0	0	0	0	0	0	131	76	1	136	71	1
Hoàn thành tốt	219										104	65	0	115	66	0
Hoàn thành	46										26	10	0	20	5	0
Chưa hoàn thành	2										1	1	1	1	0	1
5. Tiếng Anh	395	0	0	0	0	0	0	128	71	0	131	76	1	136	71	1
Hoàn thành tốt	222	0	0	0	0	0	0	72	42	0	85	56	0	65	47	0
Hoàn thành	171	0	0	0	0	0	0	56	29	0	45	19	0	70	24	0
Chưa hoàn thành	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	1	1	0	1
6. Tin học	273	159	71	0	114	45	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Hoàn thành tốt	219	124	61	0	95	37	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Hoàn thành	52	34	10	0	18	8	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Chưa hoàn thành	2	1	0	0	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7. Đạo đức	668	159	71	0	114	45	1	128	71	0	131	76	1	136	71	1
Hoàn thành tốt	552	124	61	0	105	42	0	99	61	0	113	68	0	111	64	0
Hoàn thành	114	34	10	0	9	3	1	29	10	0	17	7	0	25	7	1
Chưa hoàn thành	2	1	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	1	0	0	0
8. Tự nhiên và Xã hội	401	159	71	0	114	45	1	128	71	0	0	0	0	0	0	0
Hoàn thành tốt	318	123	61	0	98	39	0	97	59	0						
Hoàn thành	81	35	10	0	15	5	1	31	12	0						
Chưa hoàn thành	2	1	0	0	1	1	0	0	0	0						
9. Âm nhạc	668	159	71	0	114	45	1	128	71	0	131	76	1	136	71	1
Hoàn thành tốt	517	129	67	0	100	39	0	97	58	0	103	63	0	88	56	0
Hoàn thành	147	29	4	0	14	6	1	30	12	0	27	12	0	47	15	0
Chưa hoàn thành	4	1	0	0	0	0	0	1	1	0	1	1	1	1	0	1
10. Mĩ thuật	668	159	71	0	114	45	1	128	71	0	131	76	1	136	71	1
Hoàn thành tốt	530	126	63	0	97	37	0	101	60	0	104	62	0	102	60	0
Hoàn thành	135	32	8	0	17	8	1	27	11	0	26	13	0	33	11	0
Chưa hoàn thành	3	1	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	1	1	0	1
11. Tin học và Công nghệ (Tin học)	395	0	0	0	0	0	0	128	71	0	131	76	1	136	71	1
Hoàn thành tốt	276							81	50	0	99	60	0	96	54	0
Hoàn thành	117							47	21	0	31	15	0	39	17	0
Chưa hoàn thành	2							0	0	0	1	1	1	1	0	1
12. Tin học và Công nghệ (Công nghệ)	395	0	0	0	0	0	0	128	71	0	131	76	1	136	71	1
Hoàn thành tốt	281							84	52	0	99	61	0	98	53	0
Hoàn thành	112							44	19	0	31	14	0	37	18	0
Chưa hoàn thành	2							0	0	0	1	1	1	1	0	1
13. Giáo dục thể chất	668	159	71	0	114	45	1	128	71	0	131	76	1	136	71	1
Hoàn thành tốt	504	120	60	0	96	38	0	91	57	0	102	61	0	95	54	0
Hoàn thành	161	38	11	0	18	7	1	37	14	0	28	14	0	40	17	0
Chưa hoàn thành	3	1	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	1	1	0	1
14. Hoạt động trải nghiệm	668	159	71	0	114	45	1	128	71	0	131	76	1	136	71	1
Hoàn thành tốt	547	128	65	0	98	38	0	96	59	0	115	68	0	110	63	0
Hoàn thành	119	30	6	0	16	7	1	32	12	0	15	7	0	26	8	1
Chưa hoàn thành	2	1	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	1	0	0	0
II. Năng lực cốt lõi																
1. Tự chủ và tự học	668	159	71	0	114	45	1	128	71	0	131	76	1	136	71	1
Tốt	541	132	64	0	86	34	0	96	55	0	113	66	0	114	61	0
Đạt	123	26	7	0	26	10	0	32	16	0	17	9	0	22	10	1
Cần cố gắng	4	1	0	0	2	1	1	0	0	0	1	1	1	0	0	0
2. Giao tiếp và hợp tác	668	159	71	0	114	45	1	128	71	0	131	76	1	136	71	1
Tốt	598	134	67	0	96	37	0	119	66	0	125	75	0	124	66	0
Đạt	65	24	4	0	16	7	0	9	5	0	5	0	0	11	5	0
Cần cố gắng	5	1	0	0	2	1	1	0	0	0	1	1	1	1	0	1

3. GVĐD và sáng tạo	668	159	71	0	114	45	1	128	71	0	131	76	1	136	71	1
Tốt	519	125	61	0	96	37	0	93	55	0	104	63	0	101	57	0
Đạt	143	32	10	0	16	7	0	35	16	0	26	12	0	34	14	0
Cần cố gắng	6	2	0	0	2	1	1	0	0	0	1	1	1	1	0	1
4. Ngôn ngữ	668	159	71	0	114	45	1	128	71	0	131	76	1	136	71	1
Tốt	495	124	60	0	89	33	0	95	58	0	94	60	0	93	59	0
Đạt	161	30	11	0	21	11	0	32	13	0	36	15	0	42	12	0
Cần cố gắng	12	5	0	0	4	1	1	1	0	0	1	1	1	1	0	1
5. Tính toán	668	159	71	0	114	45	1	128	71	0	131	76	1	136	71	1
Tốt	461	116	56	0	90	34	0	78	44	0	76	47	0	101	55	0
Đạt	198	41	15	0	21	10	0	48	26	0	54	28	0	34	16	0
Cần cố gắng	9	2	0	0	3	1	1	2	1	0	1	1	1	1	0	1
6. Khoa học	668	159	71	0	114	45	1	128	71	0	131	76	1	136	71	1
Tốt	536	123	60	0	96	39	0	97	59	0	105	63	0	115	66	0
Đạt	128	35	11	0	17	5	1	31	12	0	25	12	0	20	5	0
Cần cố gắng	4	1	0	0	1	1	0	0	0	0	1	1	1	1	0	1
7. Công nghệ	395	0	0	0	0	0	0	128	71	0	131	76	1	136	71	1
Tốt	281	0	0	0	0	0	0	84	52	0	101	61	0	96	52	0
Đạt	112	0	0	0	0	0	0	44	19	0	29	14	0	39	19	0
Cần cố gắng	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	1	1	0	1
8. Tin học	395	0	0	0	0	0	0	128	71	0	131	76	1	136	71	1
Tốt	275	0	0	0	0	0	0	81	50	0	101	61	0	93	53	0
Đạt	118	0	0	0	0	0	0	47	21	0	29	14	0	42	18	0
Cần cố gắng	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	1	1	0	1
9. Thẩm mỹ	668	159	71	0	114	45	1	128	71	0	131	76	1	136	71	1
Tốt	533	127	63	0	97	37	0	102	60	0	104	63	0	103	60	0
Đạt	132	31	8	0	17	8	1	26	11	0	26	12	0	32	11	0
Cần cố gắng	3	1	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	1	1	0	1
10. Thể chất	668	159	71	0	114	45	1	128	71	0	131	76	1	136	71	1
Tốt	510	125	60	0	95	38	0	91	57	0	101	60	0	98	55	0
Đạt	155	33	11	0	19	7	1	37	14	0	29	15	0	37	16	0
Cần cố gắng	3	1	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	1	1	0	1
III. Phẩm chất chủ yếu																
1. Yêu nước	668	159	71	0	114	45	1	128	71	0	131	76	1	136	71	1
Tốt	666	158	71	0	113	44	1	128	71	0	131	76	1	136	71	1
Đạt	1	0	0	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Cần cố gắng	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2. Nhân ái	668	159	71	0	114	45	1	128	71	0	131	76	1	136	71	1
Tốt	664	158	71	0	113	44	1	128	71	0	129	74	0	136	71	1
Đạt	3	0	0	0	1	1	0	0	0	0	2	2	1	0	0	0
Cần cố gắng	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3. Chăm chỉ	668	159	71	0	114	45	1	128	71	0	131	76	1	136	71	1
Tốt	567	136	65	0	90	37	0	98	57	0	114	69	0	129	70	1
Đạt	98	22	6	0	22	7	0	30	14	0	17	7	1	7	1	0
Cần cố gắng	3	1	0	0	2	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4. Trung thực	668	159	71	0	114	45	1	128	71	0	131	76	1	136	71	1
Tốt	644	145	65	0	113	44	1	124	70	0	126	74	0	136	71	1
Đạt	23	13	6	0	1	1	0	4	1	0	5	2	1	0	0	0
Cần cố gắng	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5. Trách nhiệm	668	159	71	0	114	45	1	128	71	0	131	76	1	136	71	1
Tốt	608	135	64	0	113	44	1	105	63	0	127	74	0	128	68	1
Đạt	59	23	7	0	1	1	0	23	8	0	4	2	1	8	3	0
Cần cố gắng	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
IV. Đánh giá KQHT	668	159	71	0	114	45	1	128	71	0	131	76	1	136	71	1
- Hoàn thành xuất sắc	241	69	33	0	54	22	0	45	29	0	35	27	0	38	29	0
- Hoàn thành tốt	112	38	20	0	19	8	0	14	7	0	25	14	0	16	10	0
- Hoàn thành	300	47	18	0	37	14	0	66	33	0	69	34	0	81	32	0
- Chưa hoàn thành	15	5	0	0	4	1	1	3	2	0	2	1	1	1	0	1
V. Khen thưởng	351	107	53	0	73	30	0	59	36	0	60	41	0	52	37	0
- Giấy khen cấp trường	351	107	53	0	73	30	0	59	36	0	60	41	0	52	37	0
- Giấy khen cấp trên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
VI. HSDT được trợ giảng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
VII. HS.K.Tự không ĐG	3	0	0	0	1	0	0	0	0	0	1	1	0	1	0	0
IX. HS bỏ học HK	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
+ Hoàn cảnh GDKK	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
+ KK trong học tập	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
+ Xa trường, đi lại K.khăn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
+ Thiên tai, dịch bệnh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
+ Nguyên nhân khác	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Đông Thịnh, ngày 22 tháng 5 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

Trần Văn Khoái

